TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26-01-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn

Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 597/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1982 (có mặt)

Căn cước công dân số: 096082017293, cấp ngày 22/9/2021

- *Bị đơn:* Chị Lê Thanh T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 096183005689, cấp ngày 15/01/2024

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thanh T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau ngày 27/5/2004. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Nay anh M yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Trà M1 (nữ), sinh ngày 09/7/2005 và Nguyễn Khánh H (nam), sinh ngày 02/5/2008. Khi ly hôn, anh M giao Khánh H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh M đồng ý cấp dưỡng nuôi Khánh H mỗi tháng 1.725.000 đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Đối với con chung Nguyễn Trà M1 đã trưởng thành và

có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh M và chị T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Anh M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai ngày 04/11/2025 chị Lê Thanh T trình bày: Chị T thống nhất với lời trình bày của anh M về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và không có nợ chung. Sau khi lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự, chị T có văn bản cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý lý hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thanh T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau) ngày 27/5/2004 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn M, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, chị T vắng mặt nhưng có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với anh M. Tuy nhiên, hiện nay anh M không còn tình cảm yêu thương chị T và quyết tâm mong muốn được ly hôn. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn giữa anh M và chị T trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Trường hợp tiếp tục chung sống với chị T sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh M được ly hôn với chị T.

[3] Về con chung: Khi ly hôn, anh M đồng ý giao con chung Nguyễn Khánh H (nam), sinh ngày 02/5/2008 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến nay. Tại bản tự khai ngày 04/11/2025, chị T thống nhất tiếp tục nuôi dưỡng Khánh H. Cho nên để bảo đảm quyền lợi của con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở nguyện vọng của các con chung mong muốn tiếp tục sống chung với chị T và điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn của chị T vẫn bảo đảm, cuộc sống ổn định nên cần giao cháu Khánh H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, anh M đồng ý cấp dưỡng nuôi Khánh H mỗi tháng 1.725.000 đồng, phương thức

cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy, anh M cấp dưỡng nuôi con chung là trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Đối với Trà M1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh M và chị T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 111, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn M ly hôn với chị Lê Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Khánh H (nam), sinh ngày 02/5/2008 cho chị Lê Thanh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Văn M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Khánh H mỗi tháng 1.725.000 (một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, kể từ ngày 26/01/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Đối với khoản tiền phải cấp dưỡng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thanh T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ngày 04/11/2025, anh Nguyễn Văn M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai số 0003886 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, đối trừ, anh Nguyễn Văn M còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- UBND xã C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Minh Út